

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀNG MAI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/DS-ST

Ngày: 28/12/2022

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Phương Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kim Dung

Bà Tạ Thị Thà

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Minh Hiếu - Thư ký Toà án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Thanh Hải .- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 78/2022/TLST-DS ngày 18/10/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2022/QĐXX-DS ngày 09/12/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty H (tên cũ là Công ty V);

Trụ sở: tòa nhà G, đường P, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu N - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình Đ - Phó Tổng giám đốc (theo Giấy ủy quyền số 161205/UQ-TGD ngày 05/12/2016).

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Đào Văn L - Chuyên viên pháp lý tố tụng (theo Giấy ủy quyền số 220620-6-CEA ngày 20/6/2022 (có mặt ông Linh).

Bị đơn: Bà Lữ Thị Y, sinh năm 1974 (có mặt);

Nơi cư trú: số nhà x, ngách y, ngõ z đường G, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/6/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Công ty H do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty H (gọi tắt là H) trước đây là Công ty V và bà Lữ Thị Y đã ký Hợp đồng cho vay bằng tiền mặt số CL001066274 ngày 20/11/2013, với nội dung: khoản vay: 35.000.000 đồng, lãi suất 3,96%/tháng, số kỳ trả góp: 18, khoản trả góp hàng tháng: 2.799.161 đồng, phí bảo hiểm hàng tháng: 43.750 đồng. Theo đó, vào ngày 20 hàng tháng, bà Y phải thanh toán cho HD SAISON 2.799.161 đồng liên tục trong 18 kỳ trả góp bắt đầu từ ngày 20/12/2013 đến ngày 20/5/2015.

Thực hiện hợp đồng tín dụng, ngày 20/11/2013 H đã giải ngân cho bà Y vay số tiền là 35.000.000 đồng bằng tiền mặt tại Ngân hàng HSBC.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Y đã thanh toán cho H được 5 kỳ với số tiền là 15.693.000 đồng, trong đó nợ gốc là 7.436.323 đồng, nợ lãi trong hạn là 6.340.732 đồng, lãi quá hạn là: 1.741.118. đồng, phí bảo hiểm là 174.827 đồng.

Bà Y đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 21/5/2014. H đã nhiều lần liên lạc và yêu cầu bà Y tuân thủ nghiêm túc nghĩa vụ thanh toán đối với H theo thỏa thuận. Tuy nhiên, bà Y không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Đến nay, bà Y đã chậm thanh toán cho H 13 kỳ trả góp tương ứng với 34.362.417 đồng bắt đầu từ kỳ 6.

Nay, Công ty H yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Lữ Thị Y hoàn trả cho Công ty H tổng số tiền là 34.362.417 đồng, bao gồm: số tiền gốc là 27.563.677 đồng, tiền lãi trong hạn là 4.769.909 đồng, tiền lãi quá hạn là 2.028.831 đồng.

Ngoài ra, Công ty H không yêu cầu bà Lữ Thị Y phải trả khoản tiền lãi phát sinh nào khác.

* Bị đơn là bà Lữ Thị Y trình bày: Ngày 20/11/2013, bà và Công ty V đã ký Hợp đồng cho vay bằng tiền mặt số CL001066274 với nội dung: khoản vay: 35.000.000 đồng, lãi suất 3,96%/tháng, số kỳ trả góp: 18 kỳ, khoản trả góp hàng tháng: 2.799.161 đồng, phí bảo hiểm hàng tháng: 43.750 đồng. Theo đó, vào ngày 20 hàng tháng, bà phải thanh toán cho công ty 2.799.161 đồng liên tục trong 18 kỳ trả góp bắt đầu từ ngày 20/12/2013 đến ngày 20/5/2015.

Ngày 20/11/2013 Công ty V đã giải ngân cho bà bằng tiền mặt tại Ngân hàng HSBC với tổng số tiền là 35.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà đã trả đầy đủ cho công ty được 5 kỳ với tổng số tiền là 15.693.000 đồng, trong đó: nợ gốc là 7.436.323 đồng, nợ lãi trong hạn là 6.340.732 đồng, lãi quá hạn là: 1.741.118 đồng, phí bảo hiểm là 174.827 đồng. Nhưng do công việc của bà gặp khó khăn nên bà không còn khả năng thanh toán và vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho công ty từ ngày 21/5/2014. Tính đến nay bà còn nợ lại công ty theo hợp đồng tín dụng đã ký số tiền gốc là 27.563.677 đồng và tiền lãi trong hạn là 4.769.909 đồng, tiền lãi quá hạn là 2.028.831 đồng.

Nay Công ty H khởi kiện yêu cầu bà có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền gốc và lãi còn nợ thì do hiện nay điều kiện hoàn cảnh gia đình cũng như công việc của bà gặp nhiều khó khăn nên đề nghị Công ty xem xét miễn giảm tiền lãi cho bà và cho bà được trả dần số tiền nợ gốc hàng tháng mỗi tháng trả 500.000 đồng cho đến khi hết nợ. Trường hợp công ty không chấp nhận phương án trả nợ hàng tháng thì đề nghị Công ty cho bà được trả 1/2 số tiền nợ vào tháng 12/2023, còn 1/2 số nợ còn lại bà sẽ trả nốt một năm sau đó.

* Tại phiên tòa hôm nay: Công ty H không rút yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Công ty H yêu cầu bà Y phải thanh toán một lần tổng số tiền còn nợ là 34.362.417 đồng, bao gồm: số tiền gốc là 27.563.677 đồng, tiền lãi trong hạn là 4.769.909 đồng, tiền lãi quá hạn là 2.028.831 đồng.

Bà Lữ Thị Y xác nhận còn nợ Công ty số tiền gốc là 27.563.677 đồng, tiền lãi trong hạn là 4.769.909 đồng, tiền lãi quá hạn là 2.028.831 đồng nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên bà đề nghị công ty xem xét miễn giảm tiền lãi và cho bà được trả dần số tiền nợ gốc hàng tháng mỗi tháng trả 500.000 đồng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và xác định những người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo về thời hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Xét hợp đồng tín dụng ngày 20/11/2013 được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng nên có hiệu lực pháp luật. Bên vay đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ gốc, nợ lãi là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Y phải trả cho Công ty H tổng số tiền là 34.362.417 đồng, bao gồm: số tiền gốc là 27.563.677 đồng, tiền lãi trong hạn là 4.769.909 đồng, tiền lãi quá hạn là 2.028.831 đồng. Về án phí: bà Y phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty H khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bà Lữ Thị Y. Bà Lữ Thị Y hiện cư trú tại: số nhà x, ngách y, ngõ z đường G, phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Căn cứ theo quy định

tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

[2] Về hợp đồng tín dụng: Ngày 20/11/2013 Công ty V (nay là Công ty H) và bà Lữ Thị Y ký Hợp đồng cho vay bằng tiền mặt số CL001066274 ngày 20/11/2013, thỏa thuận về các nội dung chủ yếu: khoản vay: 35.000.000 đồng, lãi suất 3,96%/tháng, số kỳ trả góp: 18, khoản trả góp hàng tháng: 2.799.161 đồng, phí bảo hiểm hàng tháng: 43.750 đồng, ngày trả góp đầu tiên: 20/12/2013, ngày trả góp hàng tháng: 20, ngày trả góp cuối cùng: 20/5/2015.

Xét hợp đồng tín dụng được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, có mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại khoản 14, 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên hợp đồng tín dụng có hiệu lực từ thời điểm ký kết và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo đúng cam kết.

[3] Về yêu cầu đòi nợ gốc: Thực hiện hợp đồng tín dụng, ngày 20/11/2013 Công ty H đã giải ngân cho bà Lữ Thị Y vay tiền với số tiền gốc được vay là 35.000.000 đồng theo đúng thỏa thuận. Theo hợp đồng thì vào ngày 20 hàng tháng, bà Y phải thanh toán cho H số tiền là 2.799.161 đồng liên tục trong 18 kỳ trả góp bắt đầu từ ngày 20/12/2013 đến ngày 20/5/2015.

Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng, bà Y đã trả được 7.436.323 đồng tiền gốc, đến kỳ ngày 21/5/2014 bà Y đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Công ty đã nhiều lần yêu cầu bà Y thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, nhưng bà Y vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, số tiền gốc bà Y chưa trả là 27.563.677 đồng. Do bà Y vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên đã vi phạm vào Điều 9.3, 9.8 của Hợp đồng cho vay bằng tiền mặt số CL001066274 ngày 20/11/2013.

Nay Công ty H yêu cầu bà Y phải trả số nợ gốc theo hợp đồng tín dụng nêu trên là 27.563.677 đồng. Bà Y cũng xác nhận còn nợ Công ty 27.563.677 đồng tiền gốc. Căn cứ vào Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Tòa án chấp nhận yêu cầu của Công ty H, buộc bà Y phải trả Công ty H số tiền nợ gốc là 27.563.677 đồng.

[4] Về yêu cầu đòi tiền lãi: Căn cứ thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng cho vay bằng tiền mặt số CL001066274 ngày 20/11/2013 và Bảng kê chi tiết thanh toán, bà Y có trách nhiệm trả số tiền góp hàng tháng là 2.799.161 đồng trong thời hạn 18 tháng và tiền lãi được tính trên cơ sở một năm là 365 ngày, với lãi suất là 3,96%/tháng. Theo đó số tiền hàng tháng phải trả với cách thức tiền gốc phải trả tăng dần và tiền lãi giảm dần cho đến hết ở kỳ cuối, nên số tiền lãi mà bà Y phải trả tổng cộng là 14.560.690 đồng cho số tiền vay là 35.000.000 đồng. Đồng thời bà Y phải trả tiền lãi quá hạn được tính theo lãi suất nợ quá hạn cho phần nợ gốc đến hạn chưa thanh toán do không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bà Y đã trả được 6.340.732 đồng tiền lãi trong hạn và 1.741.118 đồng tiền lãi quá hạn, bị chuyển quá hạn từ ngày 21/5/2014.

Tại phiên tòa, Công ty H xác nhận yêu cầu bà Y trả tiền lãi trong hạn là 4.769.909 đồng và chỉ tính lãi quá hạn đến ngày 20/9/2014 số tiền là 2.028.831 đồng. Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có lợi cho bên vay là bà Y nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về số tiền lãi. Do vậy, căn cứ vào Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Y phải trả cho Công ty H số tiền lãi gồm tiền lãi trong hạn là 4.769.909 đồng, tiền lãi quá hạn là 2.028.831 đồng.

Bà Lữ Thị Y đề nghị Công ty H xem xét cho bà được miễn giảm tiền lãi, do nguyên đơn không chấp nhận nên Tòa án không có căn cứ để xem xét, giải quyết.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Lữ Thị Y còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo, bà Lữ Thị Y phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.718.120 đồng; trả lại Công ty H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 859.000 đồng.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai tại phiên tòa phù hợp với pháp luật, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 14, 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, Điều 95, khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của

pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty H về việc đòi bà Lữ Thị Y trả số tiền nợ phát sinh theo Hợp đồng cho vay bằng tiền mặt số CL001066274 ngày 20/11/2013.

Buộc bà Lữ Thị Y phải trả cho Công ty H (tên gọi cũ là Công ty V) theo Hợp đồng cho vay bằng tiền mặt số CL001066274 ngày 20/11/2013 tổng số tiền là 34.362.417 đồng, gồm: nợ gốc là 27.563.677 đồng, tiền lãi trong hạn là 4.769.909 đồng, tiền lãi quá hạn là 2.028.831 đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

- Bà Lữ Thị Y phải chịu 1.718.120 đồng (Một triệu, bảy trăm mười tám nghìn, một trăm hai mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại Công ty H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 859.000 đồng (Tám trăm năm mươi chín nghìn đồng) theo biên lai thu số 0050741 ngày 18/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Công ty H và bà Lữ Thị Y có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai;
- Chi cục Thi hành án DS quận Hoàng Mai;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Phương Minh